

## **DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN ĐIỆN TỬ**

**Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Vật lý, Ngoại ngữ**

*(Cập nhật đến ngày 7 tháng 8 năm 2015)*

| <b>TT</b> | <b>Số báo danh</b> | <b>Họ và tên thí sinh</b> | <b>Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành</b> | <b>Kết quả thi<br/>(theo tổ hợp dùng để xét tuyển)</b> | <b>Điểm ưu tiên</b> |
|-----------|--------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------|
| 1         | QGS016254          | HÀ SONG TÀI               | 1                                                       | 20.75                                                  | 0                   |
| 2         | TTG015557          | DƯƠNG QUỐC THÁI           | 3                                                       | 18.75                                                  | 0.5                 |
| 3         | SGD012859          | KHUU NGỌC HOÀNG THÀNH     | 3                                                       | 15.25                                                  | 0                   |
| 4         | SPK002266          | LÊ THÁI DƯƠNG             | 1                                                       | 14.75                                                  | 0                   |
| 5         | SPS010611          | ĐỖ NGỌC LONG              | 1                                                       | 14.75                                                  | 0                   |
| 6         | DVT000426          | TRẦN THỂ BẢO              | 1                                                       | 14.5                                                   | 1.5                 |
| 7         | HUI013768          | HÀ DUY TÂN                | 3                                                       | 14.25                                                  | 0.5                 |
| 8         | TAG007109          | NGUYỄN SỸ LIÊM            | 1                                                       | 13.75                                                  | 1                   |
| 9         | HUI013840          | PHẠM MINH TẤN             | 2                                                       | 13                                                     | 0.5                 |
| 10        | SGD004017          | LÊ VŨ HIỆP                | 3                                                       | 13                                                     | 1.5                 |
| 11        | DTT013497          | NGUYỄN ĐÌNH THỐNG         | 1                                                       | 11                                                     | 1                   |

## **DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN ĐIỆN TỬ**

**Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ**

*(Cập nhật đến ngày 7 tháng 8 năm 2015)*

| <b>TT</b> | <b>Số báo danh</b> | <b>Họ và tên thí sinh</b> | <b>Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành</b> | <b>Kết quả thi<br/>(theo tổ hợp dùng để xét tuyển)</b> | <b>Điểm ưu tiên</b> |
|-----------|--------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------|
| 1         | YDS005284          | NGUYỄN THÁI HOÀNG HUY     | 3                                                       | 16.5                                                   | 0                   |

|    |           |                   |   |       |     |
|----|-----------|-------------------|---|-------|-----|
| 2  | HUI001723 | LÊ ANH CÔNG       | 2 | 15.75 | 1.5 |
| 3  | SPS008564 | VÔ MINH KHANG     | 3 | 15.75 | 1   |
| 4  | YDS010455 | DIỆP ĐƯƠNG PHÁT   | 1 | 14.75 | 1   |
| 5  | SPS017817 | HUỖNH CÔNG SANG   | 1 | 14    | 0.5 |
| 6  | SPK001106 | ĐỖ THÀNH CHÂU     | 2 | 14    | 0   |
| 7  | YDS005074 | CHÂU MINH HÙNG    | 2 | 14    | 0   |
| 8  | TDL011141 | PHẠM HỮU PHƯỚC    | 1 | 13.5  | 1.5 |
| 9  | DQN010260 | ĐỖ QUỐC KỶ        | 2 | 13.5  | 1.5 |
| 10 | DTT002271 | NGUYỄN VĂN DƯƠNG  | 1 | 13    | 1.5 |
| 11 | QGS010763 | NGÔ LÊ MINH       | 1 | 13    | 0   |
| 12 | TDL004196 | LÊ CÔNG HẬU       | 3 | 13    | 1.5 |
| 13 | HUI013176 | VÕ PHƯỚC SANG     | 1 | 12.25 | 0.5 |
| 14 | HUI004684 | NGUYỄN MINH HIỀN  | 3 | 12.25 | 0.5 |
| 15 | TDL017256 | VŨ ĐỨC TU         | 2 | 12    | 1.5 |
| 16 | DCT012762 | ĐẶNG TRUNG TÍN    | 1 | 11.5  | 0.5 |
| 17 | DTT002616 | HUỖNH MINH ĐIỀN   | 1 | 11.25 | 1.5 |
| 18 | SPS010686 | NGUYỄN HOÀNG LONG | 1 | 10.5  | 1.5 |